



jī néng

机能

noun · function; functional capacity

Example Sentences

Zhè tái jī qì de jī běn jī néng shì dǎ yìn wén jiàn
这台机器的基本机能是打印文件。

The basic function of this machine is to print documents.

Suí zhe nián líng zēng zhǎng shēn tǐ de gè xiàng jī néng huì zhú jiàn xià jiàng
随着年龄增长，身体的各项机能会逐渐下降。

As age increases, various functions of the body gradually decline.

Trace each character, then write the word on your own.

机	机	机	机	机	机	机	机	机		
能	能	能	能	能	能	能	能	能	能	能
能	能									